

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TMT23B3** Năm học: **24-25**
Mã MH/MĐ: **MD05238** Học kỳ: **02**
Tên MH/MĐ: **Thiết kế và kỹ thuật thi công mạng**
Số TC: **5**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2354801024370	Nguyễn Văn Hoàn	Anh	31/08/2008			6	9	7.0	7.0	6.5	6.5	0.0		2.8
2	2354801024372	Nguyễn Văn	Bồn	03/11/2008			6	5	5.0	6.5	5.0	8.0	8.0		7.2
3	2354801024374	Lê Minh	Dư	16/12/2008			8	7.5	7.0	7.0	7.0	7.5	8.0		7.7
4	2354801024375	Huỳnh Tấn	Đạt	24/04/2008			7	8	9.5	9.5	10.0	10.0	9.5		9.4
5	2354801024376	Nguyễn Hoàng	Giang	23/07/2008			9	9	9.5	9.5	9.0	9.0	8.0		8.5
6	2354801024377	Nguyễn Phước	Hậu	16/08/2008			7	8.5	7.0	7.0	7.5	7.5	8.0		7.7
7	2354801024378	Trương Văn	Hòa	21/06/2002			10	8.5	9.5	9.5	9.0	9.0	10.0		9.7
8	2354801024379	Nguyễn Đức	Hòa	09/05/2008			7	8.5	8.5	8.5	10.0	10.0	6.0		7.2
9	2354801024382	Nguyễn	Kha	12/03/2007			9	8.5	8.5	8.5	10.0	10.0	10.0		9.7
10	2354801024384	Trần Phú Gia	Khang	28/02/2008			10	8.5	8.5	8.5	9.5	9.5	9.5		9.3
11	2354801024385	Cao Văn	Khanh	11/06/2008			10	0	7.0	7.0	8.0	8.0	9.0		8.2
12	2354801024386	Trần Đăng	Khoa	08/11/2008			8	8.5	7.0	7.0	7.5	7.5	9.0		8.4
13	2354801024387	Nguyễn Trọng	Nam	07/01/2008			8	8	7.0	7.0	6.0	6.0	7.0		6.9
14	2354801024388	Bùi Vĩnh	Nguyên	14/06/2008			6	8.5	7.0	7.0	9.0	9.0	7.0		7.3
15	2354801024389	Nguyễn Hoàng	Phú	16/03/2008			7	8.5	7.0	7.0	7.0	7.0	7.5		7.4
16	2354801024391	Võ Phước	Sang	18/09/2008			10	8.5	7.0	7.0	8.0	8.0	8.5		8.2
17	2354801024393	Nguyễn Minh	Triết	16/12/2008			10	8	9.5	9.5	10.0	10.0	9.0		9.2
18	2354801024394	Quách Nhựt	Trường	01/12/2008			10	8.5	7.0	7.0	8.0	8.0	8.5		8.2
19	2354801024397	Trần Minh	Vương	03/05/2003			10	10	9.5	9.5	10.0	10.0	10.0		9.9
20	2354801025273	Tô Minh	Nhựt	15/09/2008			10	8.5	9.5	9.5	10.0	10.0	10.0		9.9

Châu Đốc, ngày 24 tháng 6 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Thành Tài